

Số 42/QĐ-THCX

Cẩm Xá, ngày 18 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc thành lập Tổ thực hiện công tác công khai**  
**Trường Tiểu học Cẩm Xá năm học 2023-2024**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM XÁ**

*Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.*

*Căn cứ kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 – 2024.*

*Căn cứ nhiệm vụ, năng lực công tác của công chức, viên chức.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Tổ thực hiện công tác công khai trường Tiểu học Cẩm Xá năm học 2023 – 2024 gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1.	Bà Phạm Thị Diễm	Hiệu trưởng	Tổ trưởng
2.	Bà Nguyễn Thị Chiêu	Phó hiệu trưởng	Tổ phó
3.	Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Phó hiệu trưởng	Tổ phó
4.	Bà Hoàng Thị Bích Liên	TTND	Thành viên
5.	Bà Nguyễn Thị Yên	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
6.	Bà Vũ Thị Tuyết	TKHĐ	Thư ký
7.	Bà Đỗ Thị Hải	TV Đ D	Thành viên
8.	Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Kế toán	Thành viên

**Điều 2.** Tổ thực hiện công tác công khai có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện công khai trong đơn vị với những nội dung được quy định theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;

**Điều 3.** Các bộ phận công tác có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

***Nơi nhận :***

- Như Điều 3 ;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Thị Diễm**

Số: 82 /KH-THCX

Cẩm Xá, ngày 18 tháng 9 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện công khai trong hoạt động của nhà trường Năm học 2023 - 2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 42 /QĐ-THCX ngày 18 tháng 9 năm 2023 của trường Tiểu học Cẩm Xá về việc thành lập Tổ thực hiện công tác công khai năm học 2023 – 2024.

Trường Tiểu học Cẩm Xá xây dựng Kế hoạch thực hiện quy định về công khai trong hoạt động của đơn vị như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Thực hiện công khai cam kết của Nhà trường về chất lượng giáo dục và công khai về chất lượng thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục, về thu, chi tài chính để phụ huynh học sinh và xã hội tham gia giám sát và đánh giá Trường theo qui định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của Nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

#### II. NỘI DUNG CÔNG KHAI

Thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân:

- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế;
- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục;
- Công khai thu, chi tài chính.

#### III. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

- Bà Phạm Thị Diễm - Hiệu trưởng - Chịu trách nhiệm chung.
- Bà Nguyễn Thị Chiêu - P.HT - chịu trách nhiệm công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục.
- Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - P.HT - chịu trách nhiệm công khai cơ sở vật chất năm học 2023 -2024.
- Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kế toán - chịu trách nhiệm công khai về tài chính.

4. Các ông bà còn lại cùng có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, hoàn tất hồ sơ công khai.

\* Lập kế hoạch, tổ chức hội thảo, dự thảo các văn bản có liên quan.

### **A- Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:**

- Cam kết chất lượng giáo dục: điều kiện về đối tượng tuyển sinh, chương trình đào tạo thực hiện, yêu cầu về thái độ học tập của người học, các hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của người học; mục tiêu đào tạo, kiến thức, kỹ năng, trình độ ngoại ngữ và vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ và theo các ngành đào tạo (Theo Biểu mẫu 05).

- Chất lượng giáo dục thực tế: số học sinh xếp loại theo năng lực, phẩm chất, tổng hợp kết quả cuối năm, tình hình sức khỏe của học sinh, số học sinh đạt giải các đợt giao lưu, vở sạch chữ đẹp, số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học, số học sinh lên lớp, có phân biệt theo các khối lớp (Theo Biểu mẫu 06) và tổng hợp kết quả các lần kiểm tra định kỳ.

- Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch duy trì và nâng mức các tiêu chuẩn và tiến tới trường đạt chuẩn quốc gia mức 2 và kết quả đạt được.

- Kiểm định cơ sở giáo dục: kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục, báo cáo tự đánh giá, báo cáo đánh giá ngoài, kết quả công nhận đạt hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

- Danh sách, số lượng học sinh được hưởng chính sách trợ cấp hàng năm.

### **B- Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục:**

- Cơ sở vật chất: số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Biểu mẫu 7).

- Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

+ Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo (Biểu mẫu 8).

+ Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

### **C- Thực hiện công khai về tài chính:**

a) Thực hiện như quy định tại điểm a, c, d, đ của khoản 3 Điều 4 của Quy chế này.

- Tình hình tài chính của nhà trường:

+ Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về quy chế công khai tài

chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân và theo Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện qui chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách. Thực hiện nghiêm ngặt các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính. Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Qui chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

+ Các khoản chi theo từng năm : các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh, chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

+ Kết quả kiểm toán (nếu có): thực hiện công khai kết quả kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 91/2008/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về công khai kết quả kiểm toán và kết quả thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

b. Căn cứ công văn hướng dẫn số 1918 /SGDĐT-KHTC của Sở giáo dục đào tạo Hưng Yên ngày 28 tháng 8 năm 2023 về việc hướng dẫn thực hiện tạm thu các khoản thu đầu năm học 2023-2024 thuộc tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ công văn hướng dẫn số 514/CV PGDĐT của phòng giáo dục đào tạo thị xã Mỹ Hòa ngày 29 tháng 8 năm 2023 về việc hướng dẫn về các khoản tạm thu đầu năm học 2023-2024

c) Công khai kinh phí hỗ trợ chi phí học tập học sinh nghèo, mồ côi năm học 2022 – 2023.

#### **IV. HÌNH THỨC VÀ THỜI ĐIỂM CÔNG KHAI**

- Nghiêm ngặt công khai tại bảng thông báo, văn phòng nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh, cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường xem xét. Thời điểm công khai là tháng 9, 10 hàng năm và sau các kì kiểm tra định kỳ.

- Báo cáo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

2. Tổ chức tự kiểm tra đánh giá đơn vị và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo của trường Tiểu học Cẩm Xá năm học 2023 – 2024 ./.

*Nơi nhận:*

- Theo phân công;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**

Phạm Thị Điểm

UBND THỊ XÃ MỸ HÀO  
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM XÁ

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	213	239	259	226	255
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện.	CTGDPT 2018	CTGDPT 2018	CTGDPT 2018	CTGDP T 2018	Hiện hành
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh.	x	x	x	x	x
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục.	x	x	x	x	x
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được.	213	239	259	226	255
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh.	213	239	259	226	255

*Cẩm Xá, ngày 21 tháng 9 năm 2023*  
**Thủ trưởng đơn vị**

**Phạm Thị Diễm**

**Biểu mẫu 05**

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ GD & ĐT)

**THÔNG BÁO****Cam kết chất lượng giáo dục của Trường Tiểu học Cẩm Xá, đầu năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp ( .....h/s)				
		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
		213hs/.5.lớp	239.hs/6lớp	.259.hs/6.lớp	.226.hs/6lớp	.255.hs/.6lớp
I	<b>Điều kiện tuyển sinh</b>	Thuận lợi, theo kế hoạch chung của thị xã, tuyển 100% số trẻ đúng tuổi tại địa bàn xã.				
II	<b>Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện</b>	Thực hiện theo chương trình và sách giáo khoa hiện hành do Bộ Giáo dục quy định.				
III	<b>Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh</b>	Giáo viên chủ nhiệm lớp và cha mẹ học sinh thường xuyên liên hệ để cùng chăm lo việc học tập của con em. Tổ chức họp CMHS ít nhất 2lần/năm				
IV	<b>Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục</b>	Trường thường xuyên tổ chức các hoạt động hỗ trợ học tập cho học sinh: giáo dục các kỹ năng tự bảo vệ, sơ cấp cứu, hội thi nghi thức Đội, thăm trẻ khuyết tật, thăm mẹ Việt Nam anh hùng. Dạy thể dục nhịp điệu, dạy múa phát triển thể lực cho học sinh, tuyên truyền phòng chống đuối nước cho học sinh.				
V	<b>Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</b>	Dự kiến kết quả đạt được trong năm: - Hạnh kiểm: 100% HS thực hiện đầy đủ - Học tập: Học sinh hoàn thành: 99%, học sinh không hoàn thành: 1% - Sức khỏe: 100% Học sinh sức khỏe bình thường (giảm đến mức thấp nhất số học sinh suy dinh dưỡng, béo phì).				
VI	<b>Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</b>	Trường sẽ phối hợp với chính quyền địa phương duy trì sĩ số học sinh theo học trong năm tại trường. Giúp các em có đủ điều kiện về sức khỏe, năng lực, phẩm chất để tiếp tục học những năm sau.				

Cẩm Xá, ngày 21 tháng 9 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

Phạm Thị Diễm

UBND THỊ XÃ MỸ Hào  
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM XÁ

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	1192	213	239	259	226	255
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	711	213	239	259		
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	875/1192 =73,4%	171/213 =80%	191/239 =80%	202/259 =78%	146/226 =65%	165/255 =65%
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	302/1192 =25,3%	38/213 =18%	43/239 =18%	54/259 =21%	77/226 =34%	90/255 =35%
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	15/1192 =1,3%	4/213 =2%	5/239 =2%	3/259 =1%	3/226 =1%	
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt (tỷ lệ so với tổng số)	830/1192 =69,6%	164/213 =77%	181/239 =76%	199/259 =77%	133/226 =59%	153/255 =60%
2	Hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	350/1192 =29,4%	45/213 =21%	56/239 =23,4%	56/259 =21,6%	91/226 =40%	102/255 =40%
3	Chưa hoàn thành (tỷ lệ so với tổng số)	12/1192 =1 %	4/213 =2%	2/239 =0,8%	4/259 =1,5%	2/226 =1%	
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1174/1192 =98,5%	208/213 =97,7%	235/239 =98,3%	254/259 =98%	222/226 =98,2%	255/255 =100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường (tỷ lệ so với tổng số)	573/1192 =48%	107/213 =50,2%	120/239 =50,2%	129/259 =50%	102/226 =45,1%	115/255 =45%
b	HS được cấp trên khen thưởng (tỷ lệ so với tổng số)	52/1192 =4,3%	10/213 =4,7%	12/239 =5 %	12/259 =4,6%	8/226 =3,5%	10/255 =3,9%
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	14/1192 =0,17%	6/213 =2,8%	4/239 =1,6%	3/259 =1,15%	1/226 =0,4%	

**Ghi chú: 03 em khuyết tật.**

Cẩm Xá, ngày 21 tháng 9 năm 2023  
Thủ trưởng đơn vị

**Phạm Thị Điềm**

UBND THỊ XÃ MỸ HÀO  
TRƯỜNG TIỂU HỌC CẨM XÁ

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học/số lớp</b>	25/29	0,86
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>	25	
1	Phòng học kiên cố	25	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
<b>III</b>	<b>Số điểm trường lẻ</b>		
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	6312	4,98
<b>V</b>	<b>Diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	4084	3,22
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>	2228	
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	2108	0,8
2	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	30	
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m<sup>2</sup>)</i>		
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m<sup>2</sup>)</i>		
5	<i>Diện tích phòng ngoại ngữ (m<sup>2</sup>)</i>		
6	<i>Diện tích phòng học tin học (m<sup>2</sup>)</i>	45	
7	<i>Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m<sup>2</sup>)</i>		
8	<i>Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m<sup>2</sup>)</i>		
9	<i>Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m<sup>2</sup>)</i>		
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	723 bộ	
1.1	Khối lớp 1	213 bộ	213/5
1.2	Khối lớp 2	239 bộ	239/6
1.3	Khối lớp 3	259 bộ	259 /6
1.4	Khối lớp 4	6 bộ	6/6
1.5	Khối lớp 5	6 bộ	6/6
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	04 bộ	
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	2	
2.5	Khối lớp 5	2	
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	21	
<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị dùng chung khác</b>		Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	0	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	25	
5	Máy in	4	
6	.....		

	Nội dung	Số lượng (m <sup>2</sup> )
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	0
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> )	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	17 (765m <sup>2</sup> )	680	1,13 m <sup>2</sup>
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0		

<b>XIV</b>	<b>Nhà vệ sinh</b>	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(\*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
<b>XV</b>	<b>Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh</b>	x	
<b>XVI</b>	<b>Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)</b>	x	
<b>XVII</b>	<b>Kết nối internet</b>	x	
<b>XVIII</b>	<b>Trang thông tin điện tử (website) của trường</b>	x	
<b>XIX</b>	<b>Tường rào xây</b>	x	

Cẩm Xá, ngày 21 tháng 9 năm 2023

**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Thị Điểm**



7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														

*Cẩm Xá, ngày 21 tháng 9 năm 2023*  
**HIỆU TRƯỞNG**

**Phạm Thị Diễm**

**THÔNG BÁO**

**Công khai dự toán các khoản đóng góp từ học sinh  
và số tiền đơn vị được viện trợ, tài trợ, được biểu, được tặng, được ủng hộ  
năm học 2023 - 2024**

**I. Các khoản tiền đóng góp từ học sinh ( dự thu 9 tháng)**

T T	Danh mục thu	Số học sinh	Định mức thu	Tổng kinh phí dự toán thu được	Tổng kinh phí thực tế thu được	Tổng kinh phí phải nộp đi	Tổng kinh phí được để lại chi
<b>I</b>	<b>Các khoản thu theo QĐ 38</b>						
1	Tiền điện ( 7.000/T)	1.132	71 316				
2	Tiền nước uống ( 6.000/T)	1.132	61.128				
3	Tiền trông xe ( 6.000/T) xe đạp (12.000/T) Xe điện	521	28.134				
4	Tiền vệ sinh ( 5.000/T)	1.132	50.940				
<b>II</b>	<b>Các khoản thu hộ</b>						
5	Tiền BHYT ( 200.000/N )	1.076	215.200				
6	Tiền BHYT (32.400đ/ T)	1.102	428.457				
7	SLL điện tử ( 90.000/N )	1.020	91.800				
<b>III</b>	<b>Bán trú</b>						
1	Tiền ăn	362	6.516.000				
2	Tiền trông chăm trư	362	47.060.000				

**II. Số tiền được viện trợ, tài trợ, được biểu, tặng, ủng hộ**

Danh mục	Số tiền	Ghi chú
Số tiền đơn vị được viện trợ, tài trợ, được biểu, tặng, ủng hộ		

Cẩm Xá, ngày 21 tháng 9 năm 2023  
Thủ trưởng đơn vị

**Phạm Thị Điểm**